

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-ST

Ngày: 04 - 9 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cao Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 160/2023/TLST-DS ngày 06/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-DS ngày 22/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày 11/6/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 04/7/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 07/2024/TB-TA ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích N, sinh năm 1977; Địa chỉ: B Y, Phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Đào Đức N1, sinh năm 1990 và bà Phạm Thị Lê S năm 1992; Địa chỉ: H N, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Đào Đức N2, sinh năm 1957, địa chỉ: H N, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N trình bày: Bà Đặng Thị Bích N là vợ hàng của bị đơn Đào Đức N1. Do vợ chồng N1, Lê cần tiền để sửa trường Mầm non H1 tại thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên nên bà N đã cho vay số tiền 750.000.000 đồng vào ngày 24/11/2021. Thời điểm vay, hai vợ chồng đến nhà bà N để hỏi mượn tiền nhưng Lê đứng ngoài, không vào nhà. Bà N là người viết giấy vay tiền, N1 là người viết tên Đào Đức N1 và số Chứng minh nhân dân của N1. Trong giấy mượn tiền không thoả thuận lãi nhưng có thoả thuận miệng số tiền lãi mỗi tháng là 7.500.000 đồng nhưng N1 chỉ trả 5.000.000 đồng và nói khó khăn, chờ bán nhà trả

để trả. Từ khi vay đến ngày 24/11/2022, N1 trả 120.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 630.000.000 đồng. Sau đó, N1 tiếp tục trả được hai tháng tiền lãi mỗi tháng 5.000.000đ, tháng sau cùng do Phạm Thị Lê T. Ngoài khoản vay này thì vợ chồng L, N1 không còn khoản vay nào khác với bà N.

Sau đó, N1 và Lê không trả tiền nên bà N khởi kiện ra Toà án nhân dân huyện Phú Hoà vì bà N biết ông N1, bà L ở trường Mầm non H1 tại thôn Đ, H, huyện P đã nhiều năm. Toà án nhân dân huyện Phú Hoà mời các bên làm việc thì ông N2 là cha ruột của N1 thông báo N1 bị tâm thần, vợ chồng N1, L có địa chỉ ở H, N, Phường B, T, Phú Yên nên Toà án có giải thích về địa chỉ của bị đơn ở T. Sau đó, bà N rút đơn kiện, nộp lại đơn kiện tại Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

Ông N1 bị tâm thần thì bà N hoàn toàn không biết cho đến khi ông N2 thông báo cho Toà án huyện P thì bà mới biết. Tại thời điểm cho vay tiền, trả lãi hàng tháng thì N1 vẫn nói chuyện bình thường, không có dấu hiệu của bệnh tâm thần. Việc gia đình của ông N1 cho rằng ông N1 bị bệnh tâm thần để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà là không đúng.

Nay, bà N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông N1, bà L phải trả số nợ gốc 630.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 24/01/2023 đến ngày 24/9/2023 là 42.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu N1 và Lê phải trả là 672.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày 24/10/2023 cho đến khi vợ chồng N1, Lê trả nợ xong, lãi suất là 10%/năm.

*Bị đơn Đào Đức N1, Phạm Thị Lê vắng M nên không có trình bày.

*Người làm chứng ông Đào Đức N2 trình bày: Ông là cha ruột của Đào Đức N1 là bị đơn trong vụ án. Vào năm 2015 thì vợ ông N2 mất, lại thêm việc quản lý trường áp lực cao nên N1 bị bệnh, điều trị tại bệnh viện Q. Số tiền mượn giữa N1 và N thì ông N2 không biết, chỉ khi bà N đòi nợ tại Toà án P thì ông N2 được mời làm việc thì biết số tiền là 750.000.000 đồng. Đến 24/11/2022, N1 trả 120.000.000 đồng, còn lại 630.000.000 đồng, N yêu cầu trả lãi theo lãi suất Ngân hàng. Ông N2 cũng đã nói với bà N khi nào bệnh tình Nhân ổn định thì sẽ trả nợ nhưng bà N không đồng ý. Ông N2 cũng trình bày N1 cũng thừa nhận đối với khoản nợ của N nhưng giờ còn bệnh chưa có tiền trả nên khi nào N1 đỡ bệnh, làm việc cũng như gia đình sẽ hỗ trợ N1 để trả nợ. Từ năm 2016 khi N1 phát bệnh tâm thần, cả gia đình đều biết và thông báo cho bà con, họ hàng. Sau khi điều trị tại Bệnh viện T2 tại Bình Định thì từ tháng 10/2023, N1 đang điều trị bệnh tại Trung tâm B, tại tỉnh Lâm Đồng. Từ khi N1 phát bệnh đến nay thì gia đình chưa có đơn yêu cầu tuyên bố N1 mất năng lực hành vi dân sự. N1 bị phát bệnh mấy lần, gia đình đều điều trị. Còn việc được hưởng trợ cấp xã hội tại U thì quá trình làm thủ tục rất nhiều thời gian nên gia đình chưa có điều kiện làm nên chưa được nhận trợ cấp này. Trường mầm non H1 thuộc quản lý của Công ty TNHH G. Trước đó, do N1 làm giám đốc. Rồi sau đó N1 bị bệnh nên thay đổi ông Đào Đức N2 là Giám đốc. Nay ông N2 là chủ sở hữu đối với Công ty này, N1 không liên quan gì đến công ty này cũng như trường mầm non H1. Từ khi N1 bị bệnh thì Phạm Thị Lê dẫn con bỏ đi. Ông biết L và N1 có mở quán ăn ở D S, N, tỉnh Khánh Hòa nhưng chỉ hoạt động kinh doanh từ xa. Nay Phạm Thị Lê ở đâu thì ông N2 không biết. Ông N2 trình bày về bệnh

tình của Đào Đức N1, về quan hệ gia đình giữa chị N và N1, còn việc vay mượn tiền giữa bà N và N1 thì ông N2 hoàn toàn không biết cho đến khi N thấy N1 không trả được thì báo cho gia đình ông biết. Do đó, ông yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và khi xét xử bởi vì tuổi đã cao, sức khoẻ không đảm bảo.

Tại biên bản xác minh Công an P1, thành phố T xác định: ông Đào Đức N1 và bà Phạm Thị Lê C đăng ký thường trú tại địa chỉ H N, Phường B, Thành phố T nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh tại Công an Phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xác định bị đơn Đào Đức N1, Phạm Thị Lê K đăng ký thường trú, không đăng ký tạm trú tại địa chỉ D S, Phường V, thành phố N, Khánh Hòa. Chỉ có mặt ở đây vào cuối tuần để kinh doanh.

Ngày 12/8/2024, U, thành phố T có văn bản số 204/UBND trả lời về việc chưa tiếp nhận đơn đề nghị xét khuyết tật của ông Đào Đức N1, ông N1 không thuộc đối tượng người khuyết tật đang hiện trợ cấp bảo trợ xã hội do Phường 2 quản lý.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh P có văn bản số 187/TGPL – HCTH ngày 08/8/2024 trả lời trường hợp ông Đào Đức N1 chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện là người thuộc hộ nghèo hay người khuyết tật để được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Đặng Thị Bích N thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện, căn cứ vào các giấy tờ chuyển khoản thì xác nhận lại là bị đơn Đào Đức N1 đã trả được số tiền 165.000.000 đồng nên số tiền gốc bị đơn còn nợ lại nguyên đơn N số tiền 585.000.000 đồng. Rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Thị L phải trả nợ cùng với bị đơn Đào Đức N1, rút yêu cầu tính lãi 42.000.000đ từ ngày 24/01/2023 đến ngày 24/9/2023. Yêu cầu tính lãi từ ngày Toà án thụ lý vụ án ngày 06/10/2023 cho đến khi bị đơn N1 trả nợ xong cho bà N, lãi suất yêu cầu là 10%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Đào Đức N1, Phạm Thị Lê vắng M phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468, 469 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Đào Đức N1 có nghĩa vụ phải trả số nợ gốc 585.000.000 đồng và lãi vay theo lãi suất quy định là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày thụ lý vụ án cho đến khi bị đơn trả nợ xong. Nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền lãi 42.000.000đ và yêu cầu bị đơn Phạm Thị L phải trả nợ cho nguyên đơn nên đề nghị HĐXX xem xét đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Đặng Thị Bích N khởi kiện yêu cầu bị đơn Đào Đức N1, Phạm Thị Lê T nợ. Xét đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Đào Đức N1, Phạm Thị L có địa chỉ thường trú tại H N, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người tham gia tố tụng tại Tòa án: Gia đình bị đơn Đào Đức N1 cung cấp cho Tòa án thông tin bị đơn N1 đang điều trị bệnh tâm thần. Ông Đào Đức N2 là cha của bị đơn N1 xác định chưa yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố N1 bị mất năng lực hành vi dân sự hay có khó khăn trong nhận thức, điều khiển hành vi cũng như chưa có đơn gửi UBND phường U, thành phố T là nơi bị đơn đăng ký thường trú để xác định tình trạng khuyết tật cũng như đề nghị xét khuyết tật. Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P cũng xác định ông Đào Đức N1 chưa đáp ứng đủ điều kiện để được trợ giúp pháp lý miễn phí. Tại Biên bản xác minh tại Công an P1, thành phố T xác định bị đơn Đào Đức N1 và bị đơn Phạm Thị Lê C đăng ký thường trú tại H N, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên nhưng không có mặt tại địa phương. U, thành phố T có văn bản trả lời chưa tiếp nhận đơn đề nghị xét khuyết tật của ông Đào Đức N1, ông N1 không thuộc đối tượng người khuyết tật đang hiện trợ cấp bảo trợ xã hội do Phường 2 quản lý.

Các bị đơn Lê, N1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đào Đức N1, Phạm Thị Lê T1 quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Đặng Thị Bích N khởi kiện yêu cầu bị đơn Đào Đức N1 và Phạm Thị Lê P cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền 630.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 24/11/2021 (bản gốc) và khoản lãi từ ngày 24/01/2023 đến ngày 24/9/2023 là 42.000.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn N1 trả nợ xong. Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày chấp nhận số tiền bị đơn Đào Đức N1 đã chuyển qua tài khoản của nguyên đơn là 165.000.000 đồng vào các ngày 06/12/2022, 07/12/2022, 03/9/2022, 30/9/2022 nên yêu cầu bị đơn Đào Đức N1 phải trả số nợ còn lại 585.000.000đ, không yêu cầu bị đơn Phạm Thị Lê phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Xét giấy mượn tiền ngày 24/11/2021 (bản gốc) có nội dung bị đơn Đào Đức N1 có mượn của nguyên đơn số tiền 750.000.000 đồng. Đến ngày 24/11/2022 N1 trả 120.000.000 đồng, còn lại 630.000.000 đồng. Trong nội dung hợp đồng không thỏa thuận lãi, lãi suất, thời gian trả lãi cũng như trả tiền gốc. Như vậy, xác định đây là Hợp đồng vay không kỳ hạn quy định tại Điều 463, 469 BLDS năm 2015. Theo các giấy tờ chuyển khoản tại Ngân hàng do nguyên đơn N cung cấp thể hiện ngày 03/9/2022, chuyển 5.000.000đ, ngày 30/9/2022 chuyển 5.000.000đ, ngày 06/12/2022 chuyển 75.000.000đ, ngày 07/12/2022 chuyển 75.000.000đ, tổng cộng số tiền ông N1 trả cho bà N là 165.000.000 đồng, không nêu rõ là trả nợ gốc hay lãi. Tại phiên tòa, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bị đơn Đào Đức

N1 trả số tiền gốc còn nợ là 585.000.000 đồng, rút yêu cầu tính lãi 42.000.000 đồng, xét rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Giấy mượn tiền chỉ có bị đơn Đào Đức N1 ký tên, nguyên đơn cung cấp thông tin Phạm Thị L chuyển khoản 5.000.000 đồng nhưng nội dung diễn giải không rõ trả nợ hay vì mục đích gì, bị đơn Lê văng mặt không có trình bày tại Toà. Tại phiên toà, nguyên đơn cũng trình bày việc vay tiền là chỉ có Nhân mượn, ký tên vào giấy mượn tiền đến khi N1 không trả được lãi thì bà N mới thông báo cho Phạm Thị L để tiếp tục trả nợ. Nay nguyên đơn N rút đối với yêu cầu buộc bị đơn Phạm Thị Lê P liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bị đơn Đào Đức N1, xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên chấp nhận.

[6] Xét, bị đơn Đào Đức N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Đặng Thị Bích N nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Đào Đức N1 phải trả cho nguyên đơn N số nợ gốc là 585.000.000 đồng.

[7] Lãi đối với số tiền 585.000.000 đồng: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày thụ lý vụ án ngày 06/10/2023 cho đến khi trả nợ xong với lãi suất 10%/năm. Xét đây là Hợp đồng vay không có kỳ hạn, không thoả thuận lãi suất tại Giấy mượn tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi xét phù hợp nên chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì lãi trên nợ gốc quá hạn 585.000.000 đồng tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/9/2024 là 53.300.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc và lãi bị đơn Đào Đức N1 có trách nhiệm phải trả cho bà Đặng Thị Bích N tính đến ngày xét xử sơ thẩm 04/9/2024 là 638.300.000 đồng trong đó nợ gốc là 585.000.000 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 53.300.000 đồng.

[8] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Về án phí: Nguyên đơn Đặng Thị Bích N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn N tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Đào Đức N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Bích N; buộc bị đơn Đào Đức N1 phải trả cho nguyên đơn số tiền 638.300.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 585.000.000 đồng (Năm

trăm tám mươi lăm triệu đồng), nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 53.300.000 đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi 42.000.000đ và yêu cầu bị đơn Phạm Thị L cùng với bị đơn Đào Đức N1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn Đào Đức N1 phải chịu 29.532.000 đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Đặng Thị Bích N 15.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0012526 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

